

Bản án số: 125/2026/HNGĐ-
ST

Ngày: 23-3-2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tuyến và bà Lê Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Đàm Như Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2026/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Hồng N, sinh năm 1991. Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã C, tỉnh Tuyên Quang. Địa chỉ tạm trú: Nguyễn Đình T - 1967, Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Nông Văn H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn, bị đơn cùng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Hoàng Thị Hồng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Nông Văn H được tự do tìm hiểu, đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/12/2010 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nay là UBND xã C, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn T, xã P nay là thôn T, xã C. Trong quá trình sống chung, chị N, anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính cách

không hợp nhau. Hai bên gia đình đã từng hòa giải cho hai vợ chồng nhưng mâu thuẫn không khắc phục được mà trở nên trầm trọng hơn. Chị N, anh H sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng của chị N đối với anh H không còn, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Nông Văn H.

- Về con chung: Chị N, anh H có một con chung là Nông Thị Thu H1, sinh ngày 08/11/2011. Tại đơn khởi kiện chị N có ý kiến để con tự quyết định sẽ ở với bố hay với mẹ do con đã lớn. Nhưng nguyện vọng của chị N vẫn muốn được nuôi dưỡng cháu H1, khi chị N nuôi con chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị N. Tuy nhiên, anh H không nhất trí cho chị N nuôi con nên chị N nhất trí để anh H nuôi dưỡng con chung, khi anh H nuôi con chị N không cấp dưỡng nuôi con cùng anh H.

- Về tài sản chung: Chị N và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn Nông Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị Hồng N được tự do tìm hiểu, đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20/12/2010 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nay là UBND xã C, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn T, xã P nay là thôn T, xã C. Trong quá trình sống chung, giữa anh và chị N xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính cách không hợp nhau, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không chia sẻ các công việc của gia đình. Hai bên gia đình đã từng hòa giải cho anh và chị N nhưng mâu thuẫn không khắc phục được mà trở nên trầm trọng hơn. Anh H, chị N sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng của anh H đối với chị N không còn, chị N xin ly hôn anh H hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Anh H và chị N có một con chung là Nông Thị Thu H1, sinh ngày 08/11/2011. Anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H hiện nay đang làm nghề cơ khí tại thành phố Hà Nội, mức thu nhập một tháng của anh H dao động khoảng 11 triệu đồng đến 12 triệu đồng. Với mức thu nhập này anh H cho rằng anh đảm bảo được điều kiện nuôi con. Hơn nữa, cháu Nông Thị Thu H1 từ khi sinh ra đến nay đều sống cùng anh H và mẹ đẻ của anh H (bà nội cháu H1), theo học tại trường tiểu học, THCS P, xã C, tỉnh Tuyên Quang, chị N thường đi làm xa nhà, ít khi về thăm con, anh H đi làm vẫn chủ động về thăm nom con, vẫn đảm bảo sự chăm lo cho con cả về kinh tế lẫn tinh thần nên anh H có điều kiện nuôi dưỡng con hơn chị N, anh H đề nghị Tòa án xem xét cho anh được nuôi con. Khi anh nuôi con anh để chị N tự nguyện thực hiện việc cấp dưỡng, không yêu cầu giải quyết bằng bản án, quyết định của Tòa án.

- Về tài sản chung: Anh và chị N sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh Nông Văn H có đơn đề nghị vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp

không hòa giải được và được đưa ra xét xử, tại phiên tòa chị N, anh H cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không có ý kiến bổ sung khác với ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Hoàng Thị Hồng N: Cho chị Hoàng Thị Hồng N được ly hôn với anh Nông Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Nông Thị Thu H1, sinh ngày 08/11/2011 cho anh Nông Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Sau khi ly hôn chị Hoàng Thị Hồng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị Hoàng Thị Hồng N và anh Nông Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không đề nghị xem xét.

- Về nợ chung: Chị Hoàng Thị Hồng N và anh Nông Văn H cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không đề nghị xem xét

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Hoàng Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Nông Văn H; anh Nông Văn H đăng ký thường trú tại thôn T, xã C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn cùng có đơn đề nghị xét xử vắng

mặt, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại các Điều 227, 228, 238 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Hồng N, anh Nông Văn H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2010 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nay là UBND xã C, tỉnh Tuyên Quang, kết hôn trên tinh thần tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của chị Hoàng Thị Hồng N, lời khai của anh Nông Văn H đều cho thấy: Quá trình chung sống giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng chưa hiểu nhau, chưa thông cảm cho nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc và không tồn tại từ năm 2023 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị Hoàng Thị Hồng N và anh Nông Văn H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Hồng N, xử cho chị Hoàng Thị Hồng N được ly hôn với anh Nông Văn H.

[2.2] Về con chung: Anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng; chị N nhất trí để anh H nuôi dưỡng con chung và không cấp dưỡng nuôi con cùng anh H; cháu Nông Thị Thu H1, sinh ngày 08/11/2011 có nguyện vọng được ở cùng bố Nông Văn H. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét nguyện vọng của chị N, anh H, cháu H1 thấy rằng cần áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu H1 cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N, anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, chị N, anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; anh Nông Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Hồng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Hồng N được ly hôn với anh Nông Văn H (*Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 20/12/2010 của UBND xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang - nay là UBND xã C, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Nông Thị Thu H1, sinh ngày 08/11/2011 cho anh Nông Văn H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Hoàng Thị Hồng N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị N đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000095, ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang nay được trừ vào tiền án phí. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nông Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Hồng N, anh Nông Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang ;
- VKSND khu vực 2 – Tuyên Quang;
- UBND xã Chiêm Hóa (nơi ĐKKH);
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Đào Thị Bích Ngọc

XỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Xuân Tuyên Lê Thị
Thanh Tâm**

Đào Thị Bích Ngọc

